TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN M** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNST
Ngày: 18/3/2021
V/v *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M-TP.CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Út Hậu

2. Ông Nguyễn Mai Độ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân quận M.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Lâm Kim Th**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu vực H A, phường T H, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

-Bị đơn: Anh **Trần Sơn T**, sinh năm 1976,

Địa chỉ: Khu vực 02, phường C V L, quận M, thành phố Cần Thơ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất khai:

Chị Th và anh T là vợ chồng chung sống từ năm 2002, không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống thời gian đầu hành phúc và sinh được 02 con chung, nhưng đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa vợ chồng thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, nên thường xuyên cải vã, chị Th cố nín nhịn để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không kết quả mà mâu thuẫn ngày trầm trọng hơn, nên hôn nhân không có hạnh phúc. Còn anh T, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh như chị Th đã trình bày, sau khi tìm cách để hàn gắn tình cảm xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết

quả, mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị Th làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T. Anh T thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Th.

Về con chung: có 02 con chung tên Lâm Thúy V, (nữ) sinh ngày 24/6/2006, Lâm Gia P, (nam) sinh ngày 15/5/2018. Khi không còn quan hệ vợ chồng, anh T đồng ý ổn định cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét.

Trước phiên tòa:

-Chị Th vẫn giữ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, được nuôi con chung không yêu cấp dưỡng; về tài sản chung và nơ chung, tự thỏa thuận không đặt ra xem xét giải quyết.

-Anh T thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng; con chung để chị Th nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, tự thỏa thuận không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Chị Lâm Kim Th và anh Trần Sơn T tự nguyện chung sống tuy không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, nhưng việc các bên không đăng ký kết hôn mà tiến tới chung sống như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận. Nay chị Th có yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng, quan hệ này được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quá trình chung sống của chị Th và anh T có thời gian dài, nhưng sau đó đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng không hợp, nên dẫn đến tình cảm không còn, nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống cả hai. Căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình trong trường hợp không đăng ký kết hôn thì hôn nhân của chị Th và anh T không được công nhận là vợ chồng. Vì vậy, yêu cầu nêu trên của chị Th và anh T là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị Th và anh T có 02 con chung Lâm Thúy V, (nữ) sinh ngày 24/6/2006 và Lâm Gia P, (nam) sinh ngày 15/5/2018 hiện chị Th đang nuôi dưỡng. Anh T đồng ý để chị Th tiếp tục nuôi con chung, vì vậy thấy rằng nên giữ ổn định cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến trưởng thành là phù hợp. Anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở thực hiện quyền này.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị Th không yêu cầu, đây là sự tự nguyện của đương sự nên không cần đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Th và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp và có yêu cầu sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

-Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Điều 14, 53, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

-Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Kim Th.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lâm Kim Th và anh Trần Sơn T.

Về con chung: Giao 02 con Lâm Thúy V (nữ, sinh ngày 24/6/2006) và Lâm Gia P (nam, sinh ngày 15/5/2018) cho chị Lâm Kim Th tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

2/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn chị Th phải nộp số tiền 300.000đồng. Chuyển tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu số 011463 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận M sang thành tiền án phí (công nhận chị Th đã nộp xong).

3/. Về quyền kháng cáo*:* Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND TP/CT;
-VKSND – Q. M;
-Chi cục THADS- Q. M;
-Các đương sự;
-UBND phường T H;
-Lưu hồ sơ.

Nguyễn Phi Hùng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Út Hậu ***Nguyễn Mai Độ*** ***Nguyễn Phi Hùng***